

Số: 3415 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 953/TTr-STNMT ngày 10/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính và bãi bỏ 10 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 10/14 thủ tục hành chính tại Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu VT, KSTTHCNC.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



Lê Thị Thìn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2314/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính (Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC					
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm. (BTM-THA-265050)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất: - Đề án, báo cáo thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m ³ /ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài

		thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.		3.500.000 đồng/báo cáo.	nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm. (BTM-THA-265051)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức quy định dưới đây: - Đề án, báo cáo thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

		Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.		dưới 1000 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo.	Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (BTM-THA-265052)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo, <i>bản kê khai</i>: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường	Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất: - Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³ m³/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài

	thăm định báo cáo, <i>bản kê khai</i>. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo, <i>bản kê khai</i> không tính vào thời gian thăm định báo cáo. Thời gian thăm định sau khi báo cáo, <i>bản kê khai</i> được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép. - <i>Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</i>	Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1000m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 m³ đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo.	nguyên và môi trường. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016 /QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
--	--	--	--	--

4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm. (BTM-THA-265053)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo, <i>tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, <i>tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo; <i>xác định lại tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi <i>đề án</i>, báo cáo, <i>bản kê khai</i> được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức quy định dưới đây: - Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500m³ đến dưới 1000m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 m³ đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
---	---	--	---	---	--

		nhận giấy phép. <i>Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.</i>			- Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo, <i>bản kê khai</i>: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, <i>bản kê khai</i>. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo, <i>bản kê khai</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo, <i>bản kê khai</i>. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định: - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000m³/ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP 27/11/2013 của Chính phủ ngày về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng

	lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm. (BTM-THA-265054)	- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép. - Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.		1.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.	ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
6	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây;	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức quy định dưới đây: - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/s;	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP

phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m³/ ngày đêm. (BTM-THA-265055)	(25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép. <i>Thông báo trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.</i>	công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2	ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
---	--	---	---	--

				m ³ /s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.	
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác. (BTM-THA-265056)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi: - Đề án, báo cáo có lưu lượng dưới 100 m³/ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 100 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 500 đến dưới 2.000 m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 2.000 đến dưới 5.000m³/ngày đêm: 7.000.000 đồng/báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

		trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.			ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
8	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác (BTM-THA-265057)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức quy định dưới đây: - Đề án, báo cáo có lưu lượng dưới 100 m ³ /ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo. - Đề án, báo cáo có lưu lượng xả từ 2.000 đến dưới 5.000m ³ /ngày đêm: 7.000.000 đồng/báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

		tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.			định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
9	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (BTM-THA-265058)	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - <i>Thời hạn trả giấy phép:</i> Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.000.000 đồng/báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

					định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (BTM-THA-265059)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Phí thẩm định: Mức thu phí gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức quy định dưới đây: - Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.000.000 đồng/báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất. - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

					định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
11	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (BTM-THA-265060)	Thời hạn kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: không quá 20 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.	Không.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
12	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Tài nguyên và	Không.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi

	hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (BTM-THA-265061)	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do; - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt tiền cấp quyền:</i> không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - <i>Thời hạn gửi thông báo:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.		hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
--	---	--	---	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (bãi bỏ 10/14 TTHC tại Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

STT	Số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN VBQPPL QUY ĐỊNH VIỆC BÃI BỎ TTHC
Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1	T-THA-289214-TT	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
2	T-THA-289215-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	
3	T-THA-289216-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	
4	T-THA-289217-TT	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	
5	T-THA-289220-TT	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm.	Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
6	T-THA-289229-TT	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày	

		đêm.	
7	T-THA-289239-TT	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác.	
8	T-THA-289241-TT	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác.	
9	T-THA-289243-TT	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	
10	T-THA-289244-TT	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	